

Số: 34 /QĐ-LN-KH&HTQT

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Hướng dẫn tạm thời các hoạt động thích ứng với Quy định về quản lý việc nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa không gây mất rừng và suy thoái rừng của Liên minh Châu Âu (EUDR) cho ngành hàng gỗ và sản phẩm gỗ

Căn cứ Quyết định số 1589/QĐ-BNN-TCCB ngày 19/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 Quy định hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; Nghị định số 120/2024/ NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 327/QĐ-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 993/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch quốc gia triển khai Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; Thông tư 22/2023/TTBNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1235/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/5/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Thành lập Nhóm công tác chung điều phối các hành động thích ứng với Quy định về quản lý việc nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa gây mất rừng và suy thoái rừng của EU (EUDR);

Căn cứ Thông báo số 6530/TB-BNN-HTQT ngày 05/9/2024 của Văn phòng Bộ thông báo ý kiến kết luận của Bộ trưởng Lê Minh Hoan về việc thúc đẩy triển khai các hành động thích ứng với EUDR;

Theo đề nghị của Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác Quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn tạm thời các hoạt động thích ứng với Quy định về quản lý việc nhập khẩu và xuất khẩu các sản

phẩm hàng hóa không gây mất rừng và suy thoái rừng của Liên minh Châu Âu (sau đây viết tắt là EUDR) đối với ngành hàng gỗ và sản phẩm gỗ.

Điều 2. Giao Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, triển khai hướng dẫn cho các doanh nghiệp, địa phương theo quy định tại Điều 1 của Quyết định này; Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất Cục Lâm nghiệp chỉnh sửa, bổ sung để hướng dẫn thống nhất trên phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan và địa phương kịp thời phản ánh về Cục Lâm nghiệp để xem xét, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục Lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thứ trưởng Nguyễn Quốc Trị (để b/cáo);
- Vụ HTQT (để tổng hợp);
- Cục Kiểm lâm (để phối hợp);
- Chi cục Kiểm lâm các tỉnh/tp (để th/hiện);
- Lưu: VT, KH&HTQT.



Trần Quang Bảo

HƯỚNG DẪN TẠM THỜI CÁC HOẠT ĐỘNG THÍCH ỨNG VỚI QUY ĐỊNH CỦA EUDR CHO NGÀNH HÀNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-LN-KH&HTQT ngày tháng 02 năm 2025 của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Giới thiệu về Hướng dẫn

Ngày 16/5/2023, Ủy ban Châu Âu đã thông qua Quy định Chống mất rừng rừng và suy thoái rừng (sau đây viết tắt là EUDR). Quy định này có hiệu lực từ ngày 29/6/2023, với thời điểm áp dụng là tháng 01/2026 đối với các doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu của Liên minh Châu Âu (EU), và từ tháng 6/2026 đối với SMEs. EUDR cấm các sản phẩm và hàng hóa gây mất rừng, suy thoái rừng và không tuân thủ pháp luật của quốc gia khai thác và xuất khẩu để nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ thị trường EU. EUDR áp dụng đối với 7 ngành hàng gồm: gia súc chăn thả, ca cao, cà phê, dầu cọ, cao su, đậu nành và gỗ, cũng như những sản phẩm được sản xuất, chế biến từ nguyên liệu của các hàng hóa trên. Quy định này yêu cầu nghiêm ngặt về truy xuất nguồn gốc và trách nhiệm giải trình đối với chuỗi cung ứng của các sản phẩm trước khi nhập khẩu vào EU.

Hướng dẫn tạm thời các hoạt động thích ứng với EUDR tập trung vào các bước cơ bản mà chủ rừng, tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp (sau đây được gọi là các chủ thể) được khuyến khích cân nhắc khi triển khai thích ứng với EUDR đối với các hàng hóa trực tiếp xuất khẩu vào thị trường này từ Việt Nam. Các chủ thể căn cứ vào Hướng dẫn này để triển khai các hoạt động trong chuỗi cung ứng của mình nhằm đáp ứng được các yêu cầu của Quy định.

Hướng dẫn này không bắt buộc đối với các chủ thể trong chuỗi cung ngành gỗ và sản phẩm gỗ. Thông tin trong Hướng dẫn chỉ nhằm mục đích để các chủ thể tham khảo. Do EU chưa có hướng dẫn chi tiết, thông tin trong Hướng dẫn không đảm bảo chắc chắn rằng việc tuân thủ Hướng dẫn này đáp ứng được hoàn toàn các yêu cầu của EUDR. Thông tin trong Hướng dẫn có thể được cập nhật trong thời gian tới khi EU đưa ra các hướng dẫn cụ thể về thực hiện EUDR.

EUDR dựa trên trách nhiệm giải trình và thẩm định thực tế của từng chủ thể có liên quan đến lô hàng xuất khẩu từ thị trường Việt Nam sang thị trường EU. Hướng dẫn này không hàm ý đề xuất sử dụng một công cụ cụ thể nào cho quá trình này. Các chủ thể cân nhắc tự phát triển hoặc sử dụng các hệ thống hoặc công cụ mà các chủ thể cho là hiệu quả nhất trong chuỗi cung sản phẩm hàng hóa.

2. Phạm vi và đối tượng

2.1. Phạm vi

Hướng dẫn này đưa ra các khuyến cáo về các yêu cầu về thu thập thông tin, thiết lập hồ sơ và trách nhiệm giải trình của từng chủ thể trong chuỗi cung nhằm đáp ứng quy định EUDR cho ngành hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất

khẩu sang thị trường EU.

2.2. Đối tượng khuyến cáo

Chủ rừng, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân có các hoạt động trong chuỗi cung ứng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu vào thị trường EU.

3. Giải thích từ ngữ

Trong tài liệu này các từ ngữ được hiểu như sau:

- Rừng: là một hệ sinh thái bao gồm các loài thực vật rừng, động vật rừng, nấm, vi sinh vật, đất rừng và các yếu tố môi trường khác, trong đó thành phần chính là một hoặc một số loài cây thân gỗ, tre, nứa, cây họ cau có chiều cao được xác định theo hệ thực vật trên núi đất, núi đá, đất ngập nước, đất cát hoặc hệ thực vật đặc trưng khác; diện tích liên vùng từ 0,3 ha trở lên; độ tàn che từ 0,1 trở lên.¹
- Mất rừng: là tình trạng rừng bị chuyển đổi sang mục đích sử dụng nông nghiệp hoặc mục đích khác, dù cho có hợp pháp hay không hợp pháp².
- Suy thoái rừng: là tình trạng rừng bị suy giảm về hệ sinh thái rừng, làm giảm chức năng của rừng³.
- Đánh giá rủi ro: là quá trình tổng thể bao gồm nhận diện rủi ro, phân tích rủi ro và định mức rủi ro các sản phẩm hàng hóa không tuân thủ quy định của EUDR có được đưa vào thị trường hoặc xuất khẩu sang EU⁴.
- Giảm thiểu rủi ro: là các quy trình và biện pháp nhằm giảm thiểu khả năng các sản phẩm hàng hóa không tuân thủ quy định của EUDR được đưa vào thị trường hoặc xuất khẩu sang EU⁵.
- Thẩm định: là quy trình kiểm tra bao gồm các bước thu thập thông tin, đánh giá rủi ro và giảm thiểu rủi ro để đảm bảo các sản phẩm hàng hóa không gây ra hoặc không liên quan đến mất rừng và suy thoái rừng.
- Khai báo: là quá trình các nhà nhập khẩu/đơn vị được nhà nhập khẩu ủy thác gửi báo cáo thẩm định đến hệ thống thông tin của Ủy ban Châu Âu trước khi đưa sản phẩm vào thị trường EU.
- Trách nhiệm giải trình: là yêu cầu các bên liên quan phải chịu trách nhiệm đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của EUDR, bao gồm chứng minh việc tuân thủ, đánh giá và giảm thiểu rủi ro, lưu trữ hồ sơ và tài liệu, chịu trách nhiệm pháp lý về các thông tin do mình cung cấp.
- Chuỗi cung ngành gỗ và sản phẩm gỗ: bao gồm các bước và quy trình liên quan đến trồng rừng, khai thác, chế biến, phân phối và tiêu thụ gỗ, từ khi gỗ được khai thác cho đến khi ra sản phẩm hàng hóa đến tay người tiêu dùng cuối cùng.

¹ Điều 2, Luật Lâm nghiệp 2017

² Điều 2[2] EUDR

³ Điều 2, Luật Lâm nghiệp 2017

⁴ Tiêu mục 4.3 Mục 4 Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 31010:2013

⁵ Tham khảo Khoản 21 Điều 2 Thông tư 41/2016/TT-NHNN

- Mã HS của sản phẩm gỗ: là mã số phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu ghi trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do Bộ Tài chính ban hành theo quy định của Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành⁶.

- Tọa độ địa lí lô rừng: là vị trí địa lí của một lô rừng được mô tả bằng tọa độ vĩ độ và kinh độ theo hệ quy chiếu nhất định, tương ứng với ít nhất một điểm (vĩ độ và kinh độ), điểm tọa độ được sử dụng ít nhất sáu chữ số thập phân⁷.

4. Nguyên tắc chung

- Nguyên liệu gỗ và các sản phẩm gỗ phải được sản xuất phù hợp với quy định pháp luật của Việt Nam (đối với nguồn cung nguyên liệu gỗ trong nước) và nước xuất khẩu (đối với nguồn cung nguyên liệu gỗ nhập khẩu); và không được trồng trên diện tích đất có nguồn gốc gây mất rừng và suy thoái rừng sau ngày 31 tháng 12 năm 2020.

- Quá trình khai thác, sơ chế, chế biến, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ không gây mất rừng và suy thoái rừng sau ngày 31 tháng 12 năm 2020.

- Để đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của EUDR, các nhà xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ nên chuẩn bị và cung cấp đầy đủ thông tin, đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc theo chuỗi và thực hiện các yêu cầu về trách nhiệm giải trình (nếu có) cho nhà nhập khẩu đối với các sản phẩm vào thị trường EU (EU).

II. CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI THÍCH ỨNG VỚI EUDR

Bước 1: Đánh giá sự sẵn sàng và xây dựng kế hoạch hành động

- Đánh giá khả năng đáp ứng EUDR của doanh nghiệp khi xuất khẩu hàng hóa vào thị trường EU.

- Dự thảo các kịch bản chuỗi cung ứng mang tính chỉ dẫn cho các sản phẩm hàng hóa, sản phẩm xuất khẩu vào thị trường EU.

- Đánh giá năng lực nhân sự tham gia vào các hoạt động bán hàng/xuất khẩu cho thị trường EU để xây dựng chương trình đào tạo, nâng cao năng lực.

- Dựa trên các đánh giá năng lực hiện tại của doanh nghiệp, các kịch bản chuỗi cung, năng lực nhân sự, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch hành động của doanh nghiệp để đáp ứng các yêu cầu EUDR. Xác định các hoạt động và nguồn lực cần thiết để thực hiện.

Bước 2: Xây dựng hệ thống thẩm định (Hệ thống trách nhiệm giải trình)

- Xác định, tiến hành thí điểm với các nhà cung cấp nguyên liệu/sản phẩm có liên quan đến EUDR.

- Xác định tất cả các nhà cung cấp cấp 1, hoặc các sản phẩm hàng hóa trong phạm vi tuân thủ theo mã hải quan HS.

⁶ Tiêu mục 1.3 Mục 1 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 66:2018/BTNMT

⁷ Điều 2[28] EUDR

- Phân công trách nhiệm, phân bổ nhân lực và nguồn lực cho trách nhiệm giải trình hoặc các nhà cung cấp dịch vụ khác.

- Thu thập thông tin: đảm bảo thu thập đầy đủ thông tin bắt buộc tuân thủ EUDR tại Phụ lục 2, các yêu cầu quản lý thông tin đáp ứng yêu cầu EUDR.

- Chứng minh việc thẩm định trách nhiệm đã được áp dụng: mô tả cách doanh nghiệp sẽ triển khai báo cáo thẩm định trách nhiệm, bao gồm đánh giá mức độ sẵn sàng của nhà cung cấp, đánh giá chất lượng thẩm định trách nhiệm của nhà cung cấp, đánh giá hiệu quả thực hiện thẩm định trách nhiệm thông qua kiểm tra đột xuất/ngẫu nhiên các tuyên bố thẩm định.

- Đánh giá rủi ro: mô tả cách doanh nghiệp tiến hành đánh giá rủi ro để xác định các rủi ro tiềm ẩn về việc không tuân thủ EUDR.

- Giảm thiểu rủi ro: mô tả quy trình doanh nghiệp áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro đủ để sản phẩm hàng hóa không có rủi ro đáng kể trước khi đưa ra thị trường.

- Lưu giữ hồ sơ: EUDR yêu cầu các doanh nghiệp lưu giữ hồ sơ trong 5 năm. Quy trình này nên có quy định rõ ràng về các loại hồ sơ, phạm vi, trách nhiệm và các nhiệm vụ liên quan đến việc lưu giữ và duy trì hồ sơ cho hệ thống thẩm định trách nhiệm của doanh nghiệp.

- Kiểm toán độc lập: mô tả cách doanh nghiệp quản lý nghĩa vụ kiểm tra chính sách, kiểm soát và quy trình nội bộ của doanh nghiệp.

- Báo cáo nội bộ và đánh giá nội bộ hàng năm: mô tả cách thức thực hiện đánh giá nội bộ hàng năm.

- Báo cáo công khai hàng năm: mô tả cách doanh nghiệp thực hiện báo cáo công khai hàng năm về hệ thống thẩm định. Báo cáo công khai hàng năm bao gồm: tóm tắt thông tin được đề cập trong Điều 9 (1) EUDR, các điểm (a), (b) và (c); kết luận các đánh giá rủi ro và các biện pháp giảm thiểu rủi ro đã thực hiện; mô tả quy trình tham vấn cộng đồng địa phương và các tổ chức ngoài nhà nước có liên quan.

- Xây dựng chương trình, tài liệu và triển khai đào tạo nhân viên tuân thủ thích ứng EUDR.

Bước 3: Vận hành hệ thống thẩm định và tuyên bố trách nhiệm giải trình theo yêu cầu của EUDR

- Nhà cung cấp tại Việt Nam/ngoài Việt Nam cam kết tuân thủ các yêu cầu của hệ thống trách nhiệm giải trình theo EUDR. Xác định trách nhiệm giải trình đã được áp dụng cho doanh nghiệp nhập khẩu/phân phối/bán lẻ.

- Thu thập thông tin: Tham khảo các thông tin cần thu thập tại Phụ lục 1.

- Hoàn thành đánh giá rủi ro: Tham khảo cách đánh giá rủi ro tại Phụ lục 3.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro: Tham khảo các biện pháp giảm thiểu rủi ro tại Phụ lục 3.

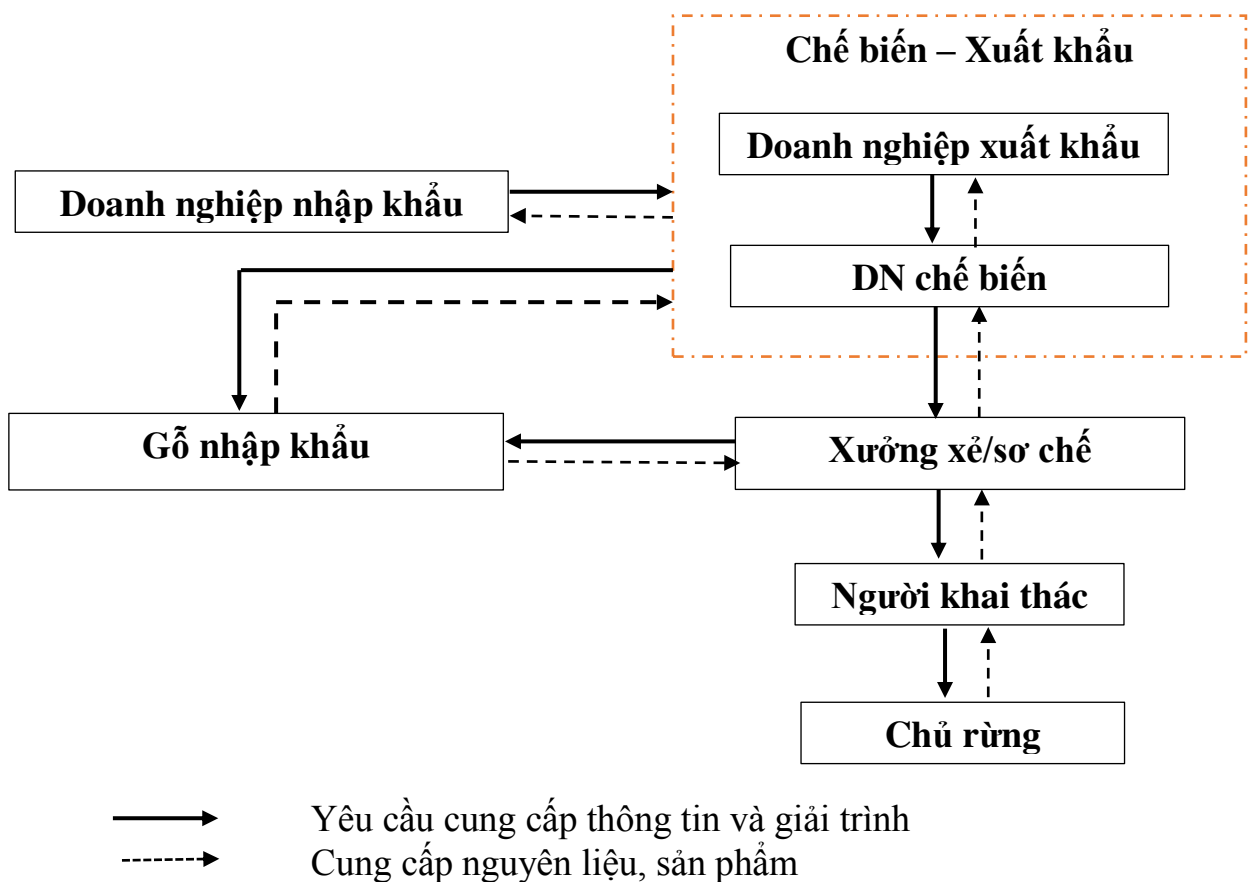
- Lưu trữ hồ sơ và thông tin liên quan tới thẩm định trách nhiệm trong vòng 5 năm (trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu tại EU ủy quyền) hoặc cung cấp hồ sơ gỗ hợp pháp cho doanh nghiệp nhập khẩu.

- Đăng ký tuyên bố trách nhiệm giải trình (trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu tại EU ủy quyền) hoặc cung cấp hồ sơ gỗ hợp pháp cho doanh nghiệp nhập khẩu đăng ký tuyên bố trách nhiệm giải trình.

III. KHUNG HƯỚNG DẪN THÍCH ỨNG VỚI EUDR

1. Chuỗi cung ngành hàng gỗ và sản phẩm gỗ

Sơ đồ dưới đây biểu thị chuỗi cung tổng quát của ngành hàng gỗ và sản phẩm từ gỗ.



Hình 1: Sơ đồ tổng quát chuỗi cung ngành hàng gỗ và sản phẩm gỗ

Tất cả các bên tham gia trong chuỗi cung ứng cần phải thực hiện hoạt động hoặc thu thập loại tài liệu, thông tin cụ thể. Các bên tham gia chuỗi cung xuất khẩu đi EU cần thu thập thông tin và các bằng chứng pháp lý về hoạt động của mình. Yêu cầu về thông tin được trình bày tại Phụ lục 01.

Doanh nghiệp xuất khẩu từ Việt Nam sử dụng nguồn gỗ rừng trồng trong nước hoặc nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu. Hiện nay, gỗ rừng trồng trong nước có nguồn gốc từ các hộ gia đình và từ các đơn vị chủ rừng là tổ chức (ví dụ các công ty lâm nghiệp, các ban quản lý rừng). Gỗ từ các chủ rừng này và từ nguồn

nhập khẩu thường đi qua hệ thống các xưởng xẻ và/hoặc các công ty chế biến trước khi đi vào khâu xuất khẩu sang EU. Theo yêu cầu của EUDR, các bên tham gia các khâu này cần phải tuân thủ đầy đủ với các yêu cầu của EUDR, bao gồm yêu cầu về thu thập và lưu trữ thông tin và các hoạt động của mình.

2. Yêu cầu các chủ thể trong từng chuỗi cung cung cấp thông tin và giải trình

Tại khâu trồng rừng và khai thác gỗ

2.1. Đối với chủ rừng:

a) Thông tin cần thu thập về chủ rừng:

- Thông tin cần thu thập từ chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người đại diện của nhóm hộ, tổ hợp tác cung cấp thông tin, gồm: Họ và tên chủ rừng hoặc người đại diện, giới tính, tuổi, địa chỉ của hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú, số điện thoại, e-mail (nếu có), số thẻ căn cước công dân, ngày cấp và nơi cấp.

- Đối với chủ rừng là tổ chức: Tên tổ chức, tên người đại diện theo quy định pháp luật, số đăng ký doanh nghiệp, mã số thuế, địa chỉ, số điện thoại và e-mail (nếu có) của tổ chức.

b) Thông tin về quyền sử dụng đất hợp pháp của chủ rừng đối với từng lô/thửa đất nơi gỗ được trồng và khai thác:

- Đối với các thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ): Số phát hành, số vào sổ cấp số thửa đất; số tờ bản đồ; số hiệu tiểu khu, khoảnh, lô (thửa); mục đích sử dụng đất và diện tích đất (ha).

- Đối với các thửa đất được giao theo Quyết định giao đất (theo Nghị định số 02/CP của Chính phủ ngày 15/01/1994 ban hành bản quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp): Cung cấp số, ngày tháng và cấp có thẩm quyền ký quyết định giao đất, số hiệu tiểu khu, khoảnh, lô (thửa); mục đích sử dụng đất và diện tích đất (ha).

- Đối với thửa đất có Hợp đồng giao khoán (theo Nghị định số 01/CP của Chính phủ ngày 04/01/1995 ban hành bản quy định về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước; hoặc Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông lâm nghiệp nhà nước): số hợp đồng và ngày, tháng, năm ký hợp đồng.

- Đối với đất có Hợp đồng thuê đất trồng rừng với chủ đất: cung cấp số, ngày tháng hợp đồng cho thuê đất; số hiệu tiểu khu, khoảnh, lô (thửa); mục đích sử dụng đất và diện tích đất (ha), bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/hợp đồng giao/koán của chủ đất.

- Đối với các loại đất khác: Giấy cam kết về sử dụng đất lâm nghiệp không tranh chấp được UBND cấp xã xác nhận. Mẫu Giấy cam kết tại Phụ lục 02 của Hướng dẫn này.

c) Thông tin về lô rừng:

- Tên thông thường và tên khoa học (nếu có) của loài cây trồng trên đất; năm trồng; phương thức trồng; mật độ trồng; chu kỳ kinh doanh (nếu có).

- Lô rừng khai thác: diện tích lô rừng khai thác, năm khai thác; loại chứng chỉ rừng quản lý rừng bền vững hoặc mã số rừng trồng nguyên liệu đã được cấp (nếu có); dự kiến sản lượng.

d) Thông tin về tọa độ địa lí:

- Đối với lô rừng nơi gỗ được khai thác/lô đất có diện tích $\geq 4,0$ ha: xác định vị trí tọa độ địa lí của toàn bộ các điểm đa giác tạo thành lô rừng (tọa độ khép góc - polygon). Thông tin thu thập bao gồm toàn bộ các điểm khép góc để mô tả chu vi của lô đất/rừng.

- Đối với lô rừng nơi gỗ được khai thác/lô đất có diện tích $< 4,0$ ha: xác định tọa độ địa lí một điểm thuộc lô rừng cách ranh giới đường biên tối thiểu 5m để đảm bảo sai số thiết bị đo, hoặc có thể sử dụng một tọa độ khép góc (polygon).

đ) Cam kết của chủ rừng: Chủ rừng ký cam kết tuân thủ pháp luật về đất đai, không gây mất rừng tự nhiên để trồng rừng, thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước (nếu có), khai báo đúng sản lượng khai thác và cam kết cho phép các bên mua gỗ của mình để chế biến và tiêu thụ được sử dụng các thông tin về lô đất và gỗ khai thác từ lô đất của mình để giải trình với bên thứ ba. Mẫu Cam kết tại Phụ lục 03 kèm theo Hướng dẫn này.

2.2. Đối với tổ chức hoặc cá nhân khai thác gỗ (mua cây đứng):

a) Thu thập toàn bộ hồ sơ của từng chủ rừng khai thác gỗ quy định tại khoản 2.1 mục III Hướng dẫn này;

b) Cung cấp các thông tin bổ sung như sau:

- Thông tin về tổ chức hoặc cá nhân thực hiện việc khai thác gỗ:

+ Trường hợp là cá nhân: Cần cung cấp thông tin về họ và tên, tuổi, địa chỉ, số căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp, số điện thoại, vv...

+ Trường hợp là tổ chức: Cần cung cấp tên tổ chức, tên người đại diện pháp luật, số đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa chỉ, số điện thoại và email (nếu có).

- Thông tin về quyền sử dụng đất không phải đất rừng/đất lâm nghiệp: Giấy CNQSDĐ, Quyết định cấp phép đầu tư gắn với giao quyền sử dụng đất/thuê đất, Quyết định cho thuê đất kinh doanh, Hợp đồng thuê đất/mặt bằng với chủ sử dụng đất, Giấy cam kết sử dụng đất hợp pháp và không tranh chấp được cấp thẩm quyền xác nhận.

- Hợp đồng mua rừng với chủ rừng, phiếu chi hoặc giấy biên nhận trả tiền (nếu có);

- Bản sao Phương án khai thác gỗ được phê duyệt (nếu có);
- Bảng kê lâm sản, bao gồm các thông tin về sản lượng, chủng loại gỗ có xác nhận của Cơ quan Kiểm lâm sở tại theo quy định tại Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản và các văn bản thay thế (nếu có).
- Cung cấp các tọa độ địa lý một điểm hoặc tọa độ các điểm của tuyến đường vận xuất, vận chuyển, bãi tập kết gỗ (bãi 1) theo quy định tại điểm d mục 3.2.1 Hướng dẫn này.
- Cam kết của người khai thác gỗ: Cam kết tuân thủ pháp luật về thuế, môi trường, an toàn lao động; cam kết không gây mất rừng tự nhiên trong quá trình khai thác, vận xuất và vận chuyển, vv...); khai báo đúng sản lượng khai thác; cam kết tôn trọng văn hóa, tập tục của địa phương; thực hiện các đền bù thỏa đáng nếu xảy ra thiệt hại cho tổ chức, cá nhân trong quá trình khai thác, vận chuyển. Mẫu cam kết tại phụ lục 03 kèm theo Hướng dẫn này.

2.3. Đối với gỗ nguyên liệu nhập khẩu

a) Gỗ tròn

- Thông tin cần thu thập về người bán gỗ bao gồm: tên tổ chức, tên người địa diện pháp luật, số đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa chỉ, số điện thoại và email (nếu có).
- Thông tin về quyền sử dụng đất không phải đất rừng/đất lâm nghiệp: Giấy CNQSDĐ, Quyết định cấp phép đầu tư gắn với giao quyền sử dụng đất/thuê đất, Quyết định cho thuê đất kinh doanh, Hợp đồng thuê đất/mặt bằng với chủ sử dụng đất, Giấy cam kết sử dụng đất hợp pháp và không tranh chấp được cấp thẩm quyền xác nhận.
- Thông tin về nguồn gốc lâm sản: loại gỗ, nơi trồng, năm trồng, năm khai thác, tọa độ địa lý của lô đất nơi gỗ được khai thác theo quy định của EUDR; loại chứng chỉ quản lý rừng bền vững đã được cấp (nếu có).
- Hợp đồng, hóa đơn, phiếu xuất kho của người bán gỗ;
- Bộ hồ sơ hải quan theo quy định của pháp luật về Hải quan;
- Bảng kê gỗ nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.

b) Gỗ xẻ

- Thông tin cần thu thập về người bán gỗ bao gồm: tên tổ chức, tên người địa diện pháp luật, số đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa chỉ, số điện thoại và email (nếu có).
- Thông tin về nguồn gốc lâm sản: loại gỗ, nơi trồng, năm trồng, năm khai